

BUILDING A CRITERIA SYSTEM TO ASSESS THE SUSTAINABILITY OF TOURISM ACTIVITIES AT QUANG BINH TOURIST ATTRACTIONS

XÂY DỰNG HỆ THỐNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TÍNH BỀN VỮNG CỦA HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI CÁC ĐIỂM THAM QUAN DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

Nguyễn Hữu Duy Viễn¹, Hoàng Thị Tường Vi²

¹Trường THCS Quang Trung, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

²Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: Using multi-criteria analysis is a suitable approach to comprehensively assess the sustainability of tourism activities. To have a basis for assessment, building a criteria system needs to go one step ahead. Currently, many criteria system to assess the sustainability of tourism activities have been proposed. However, suitability to the specifics of the research area is still a requirement that needs to be considered in building an assessment criteria system. Based on the requirements of sustainable tourism, through field surveys and consultation with experts, this research has built an assessment criteria system suitable to the characteristics of tourist attractions at Quang Binh province. The research result is the basis for assessing and determining the level of sustainability of local tourist attractions.

Keywords: Sustainable tourism, simple additive weighting (SAW), multi-criteria analysis (MCA), tourist attraction.

TÓM TẮT: Sử dụng phân tích đa tiêu chí là một hướng tiếp cận phù hợp để đánh giá toàn diện về tính bền vững của hoạt động du lịch. Để có cơ sở cho việc đánh giá, cần thiết phải xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá. Hiện nay, nhiều bộ tiêu chí đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch đã được đề xuất. Tuy nhiên, sự phù hợp với đặc thù địa bàn nghiên cứu vẫn là một yêu cầu cần xem xét trong việc xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá. Trên cơ sở các yêu cầu của du lịch bền vững, thông qua khảo sát thực tế và tham khảo ý kiến chuyên gia, nghiên cứu đã xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá phù hợp với đặc thù các điểm tham quan du lịch tại tỉnh Quảng Bình. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đánh giá, xác định mức độ bền vững của các điểm tham quan du lịch tại địa phương.

Từ khóa: Du lịch bền vững, trọng số cộng đơn giản (SAW), phân tích đa tiêu chí (MCA), điểm tham quan du lịch.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển du lịch bền vững hướng đến cả ba khía cạnh: kinh tế, xã hội và môi trường đang là một hướng đi đúng đắn nhằm duy trì hoạt động du lịch một cách lâu dài [22]. Để phát triển du lịch bền vững, cần đánh giá được tính bền vững của hoạt động du lịch, từ đó có cơ sở để điều chỉnh các chiến lược cụ thể. Với lợi thế về thiên nhiên nhất là về địa chất và địa mạo, Quảng Bình là địa phương có nhiều điểm tham

quan du lịch nổi tiếng. Việc nghiên cứu đề xuất hệ thống tiêu chí đánh giá nhằm thúc đẩy phát triển du lịch bền vững tại các điểm tham quan du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là một yêu cầu cấp thiết.

Trong đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch, việc sử dụng bộ tiêu chí là một hướng tiếp cận hiệu quả, vừa đảm bảo tính toàn diện, vừa tiết kiệm thời gian và công sức [9]. Trên thế giới, nhiều hệ thống tiêu chí đánh giá

tính bền vững của hoạt động du lịch tại các điểm đến du lịch đã được đề xuất, đáng chú ý nhất là bộ chỉ thị môi trường của Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO), bộ tiêu chí du lịch bền vững của Hội đồng Du lịch Bền vững Toàn cầu (GSTC) dành riêng cho điểm đến du lịch [6], [7]. Tuy nhiên, các bộ tiêu chí cũng còn hạn chế nhất định: một số chỉ thị khó xác định và ít phù hợp với các địa điểm có tính đặc thù. Việc xây dựng một bộ tiêu chí bám sát thực tiễn của địa điểm cần đánh giá vẫn là một yêu cầu cần thiết trong các nghiên cứu cho địa phương cụ thể. Do đó, tại các khu vực khác nhau cũng đã có đề xuất về các bộ tiêu chí phù hợp với điều kiện thực tế. Tại Việt Nam, nhiều bộ tiêu chí đánh giá phát triển du lịch bền vững dành cho điểm đến du lịch đã được đề xuất [15], [22], [21], [12], [23] ... Nhìn chung, mỗi bộ tiêu chí đều có ưu điểm, hạn chế riêng nhưng chưa có bộ tiêu chí nào được xem là chuẩn mực tuyệt đối. Việc lựa chọn các chỉ thị để đưa vào đánh giá đôi khi còn chưa thật sự khách quan. Tại tỉnh Quảng Bình, một số nghiên cứu đã sử dụng các bộ tiêu chí có sẵn để đánh giá phát triển du lịch bền vững [5], [8]. Tuy nhiên, nội dung của các nghiên cứu này còn bao hàm nhiều nội dung khác ngoài việc đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch nên mức độ chuyên sâu trong việc đánh giá chưa cao. Tính chất đặc thù của địa phương cũng chưa được quan tâm đúng mức nên một số tiêu chí vẫn chưa thật sự phù hợp.

Mục tiêu chính của nghiên cứu là xây dựng hệ thống tiêu chí phục vụ đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch tại các điểm tham quan trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Để khắc phục hạn chế của các nghiên cứu hiện tại, tiếp cận đa tiêu chí được sử dụng nhằm cải thiện tính khách quan trong việc sàng lọc, lựa chọn các chỉ thị, đồng thời trong quá trình xây dựng hệ thống tiêu chí, nghiên cứu có xem xét đến tính đặc thù của địa phương.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT, THỰC TIỄN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Một số vấn đề lý thuyết có liên quan

** Phân tích đa tiêu chí và các thuật ngữ liên quan*

Phân tích đa tiêu chí (MCA) bao gồm nhiều phương pháp, kỹ thuật và công cụ, với mức độ phức tạp khác nhau, xem xét rõ ràng nhiều mục tiêu và tiêu chí (hoặc thuộc tính) trong các vấn đề ra quyết định [4]. Đây là một phương pháp phân tích có thể được sử dụng để hỗ trợ tích hợp các khía cạnh môi trường, xã hội và kinh tế vào các chiến lược nhằm chuyển đổi theo hướng bền vững [13].

Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá là một công đoạn quan trọng của phân tích MCA vì có tính chất quyết định đến kết quả. Một số thuật ngữ cơ bản sau đây có liên quan đến quá trình xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá:

- Mục tiêu (objectives): phát biểu về đích đến dự kiến cần đạt được trong khuôn khổ kế hoạch đặt ra. Mục tiêu thường được chia thành các khía cạnh (dimensions), là các góc độ đặc trưng phản ánh mục tiêu khác nhau [1].

- Tiêu chí (criteria): các điều kiện cần được đáp ứng mà dựa vào đó để đánh giá [2], [1].

- Chỉ thị (indicators): biến số đo lường việc thực hiện các tiêu chí, được thể hiện dưới dạng định tính hoặc định lượng [4]. Các chỉ thị được chia làm 2 loại chính: chỉ thị thực hiện (đo lường các đầu vào) và chỉ thị kết quả (đo lường mức độ đạt được) [14]. Trong đó, chỉ thị đo thông tin tổng hợp, phản ánh một vấn đề lớn, đòi hỏi lượng lớn các số liệu thường gọi là chỉ thị tổng hợp [9] hoặc chỉ số (index) [16].

- Tiêu chuẩn phân bậc: giá trị được quy định dùng làm chuẩn để phân loại đánh giá, giúp xác định liệu giá trị của một chỉ thị thể hiện tình trạng thực hiện mục tiêu đang tốt hay không [19].

** Điểm tham quan du lịch*

Điểm tham quan du lịch (tourist attraction) là một địa điểm hấp dẫn bởi có giá trị tự nhiên, văn hóa hoặc lịch sử, là yếu tố tạo động lực cho chuyến đi, mang đến cho khách du lịch cảm giác thư giãn, mạo hiểm, giải trí, trải

nghiệm [18]. Điểm tham quan du lịch có thể được phân loại thành:

- Điểm tham quan tự nhiên: gồm những điểm thu hút có nguồn gốc tự nhiên như: bãi biển, đảo, hang động, vách đá, đồi - núi, ghềnh - thác nước, rừng - khu bảo tồn,...

- Điểm tham quan văn hóa: gồm các đối tượng được con người xây dựng cho mục đích du lịch: bảo tàng, phòng trưng bày nghệ thuật, sở thú, công viên giải trí...; các đối tượng được xây dựng cho mục đích khác nhưng sau đó đã được sử dụng cho mục đích du lịch: di tích, các tòa nhà và công trình kiến trúc độc đáo, chợ - trung tâm thương mại, địa điểm giải trí... và các địa điểm tổ chức sự kiện đặc biệt: thể thao, lễ hội, diễu hành, triển lãm...[10]

2.2. Điều kiện thực tiễn các điểm tham quan du lịch tỉnh Quảng Bình

Theo kết quả điều tra và phân tích của tác giả, tính đến tháng 10/2023, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có khoảng 44 điểm tham quan du lịch. Trong đó, 72,7% điểm tham quan du lịch là

điểm tham quan tự nhiên. Điều kiện khí hậu Quảng Bình với thời gian không thuận lợi cho hoạt động du lịch trong năm kéo dài là một trở ngại cho hoạt động du lịch, nhất là đối với các điểm tham quan tự nhiên. Điều này càng trở nên bất lợi hơn trong bối cảnh biến đổi khí hậu với sự gia tăng các hình thái thời tiết cực đoan trong những năm gần đây. Đa số điểm tham quan mới được đưa vào khai thác từ năm 2013 đến nay. Trong đó, có 53,3% số điểm tham quan có thời gian khai thác dưới 5 năm, một số trường hợp khác mới chỉ được khai thác thí điểm hoặc khai thác chính thức chỉ 1-2 năm trở lại. Trong bối cảnh thời gian hoạt động còn chưa dài, các dấu hiệu nhận biết tính bền vững nếu chỉ dựa vào các kết quả hoạt động có thể sẽ thiếu chính xác. Đây là những vấn đề có tính đặc thù cần xét đến trong quá trình xây dựng các tiêu chí đánh giá.

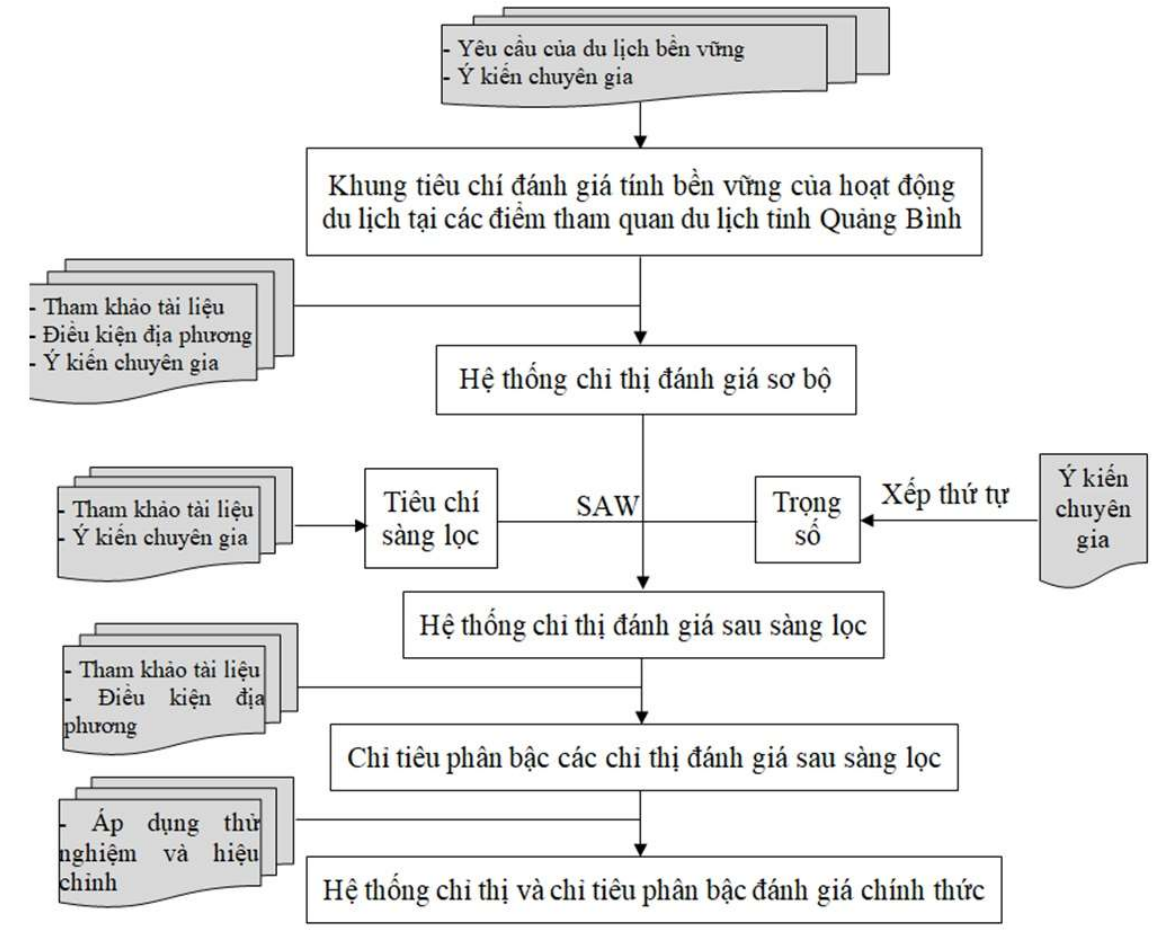
2.3. Quy trình và phương pháp nghiên cứu

Các nội dung xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch cụ thể theo Bảng 1.

Bảng 1. Nội dung xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá

TT	Nội dung	Phương pháp thực hiện	Kết quả
1	Xác định khung tiêu chí	Tham khảo từ các nghiên cứu liên quan, ý kiến chuyên gia	Khung tiêu chí đánh giá (mục tiêu, khía cạnh, tiêu chí)
2	Xác định các chỉ thị sơ bộ	Tham khảo từ các nghiên cứu liên quan, ý kiến chuyên gia, khảo sát thực địa	Hệ thống chỉ thị đánh giá sơ bộ
3	Lựa chọn các chỉ thị phù hợp	Sàng lọc từ các chỉ thị sơ bộ dựa vào bộ tiêu chí và ý kiến chuyên gia	Hệ thống chỉ thị đánh giá sau sàng lọc
4	Phân bậc các chỉ thị đánh giá	Tham khảo từ các nghiên cứu liên quan, ý kiến chuyên gia, khảo sát thực địa	Chỉ tiêu phân bậc đánh giá
5	Hoàn thiện hệ thống tiêu chí	Áp dụng thử nghiệm các chỉ thị và chỉ tiêu phân bậc để đánh giá một số điểm tham quan mẫu và hiệu chỉnh các hạn chế	Hệ thống chỉ thị và chỉ tiêu phân bậc đánh giá chính thức

Quy trình xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá theo các bước tại Hình 1.



Hình 1. Quy trình xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá

** Xác định khung tiêu chí đánh giá*

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận từ trên xuống (diễn dịch), dựa vào mục tiêu chung để phân chia thành các khía cạnh (mục tiêu thành phần), từ đó tiếp tục phân chia thành các tiêu chí. Từ mục tiêu chung là xác định được mức độ bền vững của hoạt động du lịch, có thể phân rã thành các khía cạnh (mục tiêu cụ thể). Nội dung và số lượng khía cạnh đã được nhiều nghiên cứu đề xuất, tuy nhiên, việc phân chia thành 3 khía cạnh: (1) Kinh tế; (2) Xã hội; (3) Môi trường được thừa nhận rộng rãi hơn cả [12]. Do đó, trong nghiên cứu này, quan điểm phân chia thành 3 khía cạnh như trên đã được kế thừa. Trên cơ sở 3 khía cạnh, tiếp tục xác định các tiêu

chí đánh giá dựa trên các yêu cầu của du lịch bền vững.

** Đề xuất hệ thống chỉ thị sơ bộ*

Các chỉ thị sơ bộ dùng để đánh giá các điểm tham quan du lịch tại tỉnh Quảng Bình đề xuất dựa trên cơ sở khung tiêu chí đã xác lập, tham khảo các bộ chỉ thị có liên quan đến phát triển du lịch bền vững từ các nghiên cứu trước [15], [22], [21], [12] và điều kiện thực tiễn địa phương (chú ý đến vai trò của yếu tố thời vụ đối với hiệu quả kinh tế và việc sử dụng các chỉ thị thực hiện trong một số vấn đề chưa được thể hiện rõ qua các chỉ thị kết quả).

** Xác định hệ thống chỉ thị chính thức*

Hệ thống chỉ thị sơ bộ có thể chứa các chỉ

thị không phù hợp với mục tiêu đánh giá hoặc điều kiện áp dụng nên cần phải thực hiện sàng lọc để có hệ thống chỉ thị chính thức.

- Tiêu chí sàng lọc: Trên cơ sở tham khảo các nghiên cứu trước [16], [17], 9 tiêu chí sàng lọc phổ biến được đưa ra để lấy ý kiến về mức độ quan trọng theo phương pháp xếp thứ tự.

Việc lấy ý kiến được thực hiện đối với 10 chuyên gia am hiểu về tài nguyên môi trường, kinh tế, du lịch, xã hội, thể chế chính sách và có kinh nghiệm trong đánh giá đa tiêu chí. Theo đó, xác định được 5/9 tiêu chí quan trọng nhất (Bảng 2).

Bảng 2. Ý kiến chuyên gia về tầm quan trọng của các tiêu chí sàng lọc

Tiêu chí sàng lọc	Chuyên gia										Tổng cộng	Trung bình	Thứ tự quan trọng
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10			
Phù hợp mục tiêu	1	1	2	1	2	1	1	2	2	1	14	1.4	1
Tính đại diện	3	2	1	2	1	2	2	1	1	2	17	1.7	2
Sự dễ hiểu	6	7	5	5	7	5	6	5	5	5	56	5.6	5
Mức độ định lượng	5	5	6	6	6	7	5	7	6	6	59	5.9	6
Tính phổ thông	9	8	9	8	9	8	9	8	9	9	9	8.6	9
Sẵn có về dữ liệu	2	3	3	3	3	3	3	4	3	4	31	3.1	3
Độ chính xác của dữ liệu	4	4	4	4	5	4	4	3	4	3	39	3.9	4
Chi phí thu thập	7	6	7	7	4	6	7	6	7	7	64	6.4	7
Độ khó trong thu thập	8	9	8	9	8	9	8	9	8	8	8	8.4	8

Nguồn: tổng hợp ý kiến chuyên gia

Dựa trên cơ sở tham khảo các nghiên cứu trước [16], [17], chúng tôi tiến hành phân bậc

cho các tiêu chí sàng lọc thành 5 bậc với thang 5 điểm [20] theo Bảng 3.

Bảng 3. Phân bậc của các tiêu chí sàng lọc

Tiêu chí sàng lọc	Phân bậc sàng lọc				
	1	2	3	4	5
Phù hợp mục tiêu	Không phù hợp	Ít phù hợp	Phù hợp trung bình	Khá phù hợp	Phù hợp
Tính đại diện	Không đại diện	Một phần nhỏ vấn đề	Một phần vấn đề	Một phần lớn vấn đề	Toàn bộ vấn đề
Sẵn có, về dữ liệu	Không có	Chưa có, rất khó thu thập	Chưa có, dễ thu thập	Có sẵn, cần phải xử lý	Có sẵn, không cần xử lý
Độ chính xác của dữ liệu	Không chính xác	Ít chính xác	Chính xác trung bình	Khá chính xác	Chính xác
Sự dễ hiểu	Hoàn toàn mơ hồ dù đã giải thích cụ thể	Một số chỗ dễ bị hiểu nhầm dù đã giải thích cụ thể	Có thể hiểu sau khi giải thích cụ thể	Có thể hiểu sau khi giải thích sơ bộ	Hiểu rõ ngay, không cần giải thích

- Tính trọng số: căn cứ kết quả xếp thứ tự dựa theo ý kiến chuyên gia (Bảng 2), áp dụng phương pháp xếp thứ tự, với 3 phương pháp: tổng thứ tự ($t_i = n - r_j + 1$), nghịch đảo thứ tự ($t_i = 1/r_j$) và lũy thừa ($t_i = (n - r_j + 1)^2$), trong đó: n là tổng số tiêu chí ($n = 5$), r_j là thứ tự gán của tiêu chí. Các kết quả tính theo 3 phương pháp trên được chuẩn hóa thành W_i chuẩn ($w_i = t_i / \sum t_i$). Sau đó, tiến hành rồi lấy giá trị trung bình cộng các W_i chuẩn để có được kết quả trọng số chính thức (**W chuẩn trung bình**). Kết quả trọng số có được theo Bảng 4.

- Tính điểm sàng lọc: Căn cứ vào tiêu chí

và giá trị phân bậc ở Bảng 3, thực hiện đánh giá các chỉ thị sơ bộ theo 5 tiêu chí sàng lọc. Sau đó, phương pháp trọng số cộng đơn giản (SAW) được áp dụng để tính điểm kết quả với trọng số ở Bảng 4. Trọng số cộng đơn giản (SAW) là phương pháp đơn giản nhất, được biết đến sớm nhất và được sử dụng rộng rãi nhất cho đến hiện nay -[11], -[3]. Theo phương pháp này, điểm tổng thể của mỗi phương án được xác định bằng cách tổng các đóng góp của mỗi chỉ số chuẩn hóa nhân với trọng số được chỉ định. Các chỉ thị phù hợp là các chỉ thị có điểm kết quả trên giá trị trung bình.

Bảng 4. Trọng số của các tiêu chí sàng lọc

Tiêu chí sàng lọc	Thứ tự gán	Tổng thứ tự		Nghịch đảo thứ tự		Lũy thừa thứ tự		W chuẩn trung bình
		($n - r_j + 1$)	W_i chuẩn	$1/r_j$	W_i chuẩn	($n - r_j + 1$) ²	W_i chuẩn	
Phù hợp mục tiêu	1	5	0.33	1	0.44	25	0.45	0.41
Tính đại diện	2	4	0.27	0.5	0.22	16	0.29	0.26
Sẵn có về dữ liệu	3	3	0.20	0.33	0.15	9	0.16	0.17
Độ chính xác của dữ liệu	4	2	0.13	0.25	0.11	4	0.07	0.11
Sự dễ hiểu	5	1	0.07	0.2	0.09	1	0.02	0.06
Tổng cộng		15	1	2.28	1	55	1	1

** Xây dựng các bậc đánh giá*

Trong nghiên cứu này, các mức độ đáp ứng của chỉ thị được phân cấp thành 5 bậc theo thang điểm 5 (tương ứng với các mức điểm 1, 2, 3, 4, 5).

** Hoàn thiện hệ thống tiêu chí*

Hệ thống tiêu chí với các chỉ thị và giá trị phân bậc được áp dụng để đánh giá thử nghiệm cho 4 điểm tham quan đại diện cho 4 nhóm đối tượng khác nhau: thám hiểm hang động, rừng núi; tham quan hang động, rừng núi; vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng; lịch sử - văn hóa - tâm linh. Từ đó, các hiệu chỉnh cần thiết đã được thực hiện để có được hệ thống tiêu chí chính thức.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Khung tiêu chí đánh giá tính bền vững

Khung tiêu chí đánh giá chính thức gồm 3 khía cạnh với 9 tiêu chí, trong đó:

- Khía cạnh kinh tế gồm 3 tiêu chí, hướng đến việc đảm bảo đồng thời lợi ích của khách du lịch, đơn vị kinh doanh du lịch và kinh tế địa phương;

- Khía cạnh xã hội gồm 3 tiêu chí, hướng đến việc đảm bảo lợi ích về mặt xã hội và bảo tồn, phát triển văn hóa cộng đồng;

- Khía cạnh môi trường gồm 3 tiêu chí, hướng đến việc quản lý khai thác tài nguyên du lịch, gia tăng nhận thức, nguồn lực và kiểm soát áp lực đối với tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Nội dung cụ thể các khía cạnh, tiêu chí đánh giá được thể hiện theo Bảng 5.

Bảng 5. Danh mục các khía cạnh và tiêu chí đánh giá

Mục tiêu	Khía cạnh	Tiêu chí đánh giá	Chỉ thị đánh giá
Tính bền vững của hoạt động du lịch	D1. Kinh tế	C1. Thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch	I01, I02, I03, I04, I05
		C2. Đem lại hiệu quả kinh tế đối với đơn vị kinh doanh du lịch	I06, I07, I08
		C4. Thúc đẩy tiến bộ xã hội cho địa phương	I09, I10
	D2. Xã hội	C5. Đảm bảo an toàn xã hội cho địa phương	I11, I12, I13
		C5. Đảm bảo an toàn xã hội cho địa phương	I14, I15
		C6. Duy trì và phát triển văn hóa địa phương	I16, I17, I18, I19
	D3. Môi trường	C7. Hoàn thiện về quy hoạch, quản lý khai thác tài nguyên du lịch	I20, I21, I22
		C8. Gia tăng nhận thức và nguồn lực bảo vệ môi trường	I23, I24, I25
		C9. Kiểm soát tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường	I26, I27, I28, I29

3.2. Các chỉ thị và phân bậc đánh giá mức độ bền vững

Các chỉ thị đánh giá và giá trị phân bậc đánh giá được thể hiện theo Bảng 6

Bảng 6. Danh mục chỉ thị đánh giá và phân bậc mức độ bền vững

Chỉ thị đánh giá	Phân bậc chỉ thị đánh giá				
	1	2	3	4	5
I01. Số sản phẩm du lịch đã được phát triển tại điểm tham quan	Không có	1 sản phẩm	2 sản phẩm	3 sản phẩm	≥ 4 sản phẩm
I02. Số điểm tham quan khác có sản phẩm du lịch chính tương tự	>8 điểm tham quan	5 - 7 điểm tham quan	3 - 4 điểm tham quan	1 - 2 điểm tham quan	0 điểm tham quan
I03. Tỷ lệ khách nhận định giá sản phẩm du lịch là hợp lý	0 - 20%	>20 - 40%	>40 - 60%	>60 - 80%	>80 - 100%
I04. Chỉ số khả năng tiếp cận ($0,3 \cdot I04a + 0,5 \cdot I04b + 0,2 \cdot I04c$)	1,0 - <1,5	1,5 - <2,5	2,5 - <3,5	3,5 - <4,5	4,5 - 5,0
I04a. Khoảng cách từ nơi tiếp nhận khách đến điểm tham quan	>150 km	>100 - 150 km	>50 - 100 km	>25 - 50 km	0 - 25 km
I04b. Mức độ đa dạng về phương tiện để tiếp cận đến điểm tham quan	Không có phương tiện	Phương tiện chuyên dụng	Phương tiện cá nhân	1 loại phương tiện công cộng	≥ 2 loại phương tiện công cộng
I04c. Tính chất giới hạn đối tượng tiếp cận theo quy định an ninh quốc phòng	Vùng cấm	Khu vực hạn chế hoạt động	Vành đai biên giới	Khu vực biên giới	Khu vực nội địa
I05. Mức độ đáp ứng của dịch vụ trong khoảng cách 1km tính từ điểm tham quan	Khách phải tự chuẩn bị	Đáp ứng một số nhu cầu	Đáp ứng nhu cầu trong ngày	Đáp ứng nhu cầu qua đêm	Đáp ứng đầy đủ nhu cầu

I06. Tần suất xuất hiện của điểm tham quan trong chương trình du lịch của doanh nghiệp lữ hành	0 - 20%	>20 - 40%	>40 - 60%	>60 - 80%	>80 - 100%
I07. Giá trị chi tiêu trung bình của khách tại điểm tham quan	<=1 triệu đồng	>1 - 2 triệu đồng	>2 - 5 triệu đồng	>5 - 10 triệu đồng	>10 triệu đồng
I08. Số ngày trong năm xảy ra mưa bão, lũ lụt gây gián đoạn hoạt động du lịch	>=292 ngày	219 - <292 ngày	146 - <219 ngày	73 - <146 ngày	<73 ngày
I09. Tỷ lệ lao động làm việc liên quan đến điểm tham quan là người dân địa phương	0 - 20%	>20 - 40%	>40 - 60%	>60 - 80%	>80 - 100%
I10. Tỷ lệ người dân địa phương nhận định có thu nhập ổn định hơn từ khi làm du lịch	0 - 20%	>20 - 40%	>40 - 60%	>60 - 80%	>80 - 100%
I11. Mức độ cộng đồng tham gia trong hoạt động du lịch tại điểm tham quan	Không tham gia	Tham gia hoạt động gián tiếp	Nhân viên trực tiếp phục vụ	Quản lý bộ phận	Quản lý đơn vị du lịch
I12. Mức độ dân chủ trong các vấn đề du lịch có liên quan đến cộng đồng	Không lấy ý kiến	Lấy ý kiến qua loa, hình thức	Lấy ý kiến đại diện, tiếp thu một phần	Lấy ý kiến đại diện, tiếp thu toàn bộ	Lấy ý kiến rộng rãi, tiếp thu toàn bộ
I13. Tỷ lệ doanh thu được trích để hỗ trợ phúc lợi xã hội	0 - 2%	>2 - 4%	>4 - 6%	>6 - 8%	>=8%
I14. Mức độ chủ động kiểm soát dịch bệnh từ hoạt động du lịch	Hoàn toàn bị động	-	Triển khai một số biện pháp	-	Triển khai đầy đủ biện pháp
I15. Mức độ chủ động kiểm soát tệ nạn xã hội từ hoạt động du lịch	Hoàn toàn bị động	-	Triển khai một số biện pháp	-	Triển khai đầy đủ biện pháp
I16. Mức độ biến đổi văn hóa địa phương tại điểm tham quan kể từ khi đưa vào khai thác du lịch đến hiện tại	Biến đổi hoàn toàn bởi văn hóa ngoại lai	Biến đổi phần lớn bởi văn hóa ngoại lai	Biến đổi 50% bởi văn hóa ngoại lai	Xuất hiện một số biểu hiện ngoại lai	Duy trì và phát triển nguyên vẹn văn hóa truyền thống
I17. Mức độ triển khai tuyên truyền cho cộng đồng về bảo tồn văn hóa địa phương trước tác động từ khách	Không thực hiện	Phô biến bằng miệng trong các cuộc họp cộng đồng	Có tài liệu được công khai tại các địa điểm công cộng	Có tài liệu tuyên truyền đến từng hộ	Có tài liệu và cán bộ chuyên trách đến từng hộ hướng dẫn

I18. Tỷ lệ khách được phổ biến các quy định tôn trọng văn hóa địa phương khi tiếp xúc với cộng đồng	0 - 20%	>20 - 40%	>40 - 60%	>60 - 80%	>80 - 100%
I19. Mức độ tổ chức các hoạt động phổ biến văn hóa địa phương đến khách	Không tổ chức	Tổ chức khi khách có nhu cầu	Tổ chức hàng năm	Tổ chức hàng tháng	Tổ chức hàng tuần, miễn phí
I20. Mức độ triển khai quy hoạch phát triển du lịch tại điểm tham quan	Hoàn toàn tự phát	Đã có kế hoạch, được cho phép	Đã được quy hoạch tổng thể	Đã được quy hoạch chi tiết	Đã được công nhận khu/ điểm du lịch
I21. Mức độ hoàn thiện bộ máy quản lý tài nguyên du lịch	Quản lý chung trên lãnh thổ bởi chính quyền	Quản lý bởi chính quyền, không cán bộ chuyên trách	Quản lý bởi chính quyền, có cán bộ chuyên trách	Ban quản lý chung, có bộ phận chuyên trách	Ban quản lý riêng, đầy đủ bộ phận chức năng
I22. Mức độ xác lập nội quy bảo vệ môi trường tại điểm tham quan phù hợp với các quy tắc xử tại QĐ 4216/QĐ-BVHTTDL	Không thực hiện	-	Thể hiện một số điểm chính	Thể hiện đầy đủ	Thể hiện đầy đủ, hướng dẫn cụ thể
I23. Mức độ thường xuyên tuyên truyền bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương	Không bao giờ	1 năm/ lần	6 tháng/ lần	3 tháng/ lần	1 tháng/ lần
I24. Mức độ tuân thủ quy định bảo tồn di sản và cảnh quan tại điểm tham quan từ khi đưa vào khai thác du lịch	Vi phạm làm hủy hoại vĩnh viễn	Vi phạm cần trên 10 năm để khôi phục nguyên trạng	Xảy ra vi phạm nhẹ, có thể khắc phục dễ dàng	Không dễ xảy ra bất kỳ vi phạm nào	Tác động tích cực đến di sản và cảnh quan
I25. Tỷ lệ doanh thu được trích cho bảo tồn di sản và cảnh quan	0 - 2%	>2 - 4%	>4 - 6%	>6 - 8%	≥8%
I26. Tỷ lệ sử dụng các sản phẩm tự sản xuất nhằm thay thế nguồn lợi trực tiếp từ thiên nhiên	0 - 20%	>20 - 40%	>40 - 60%	>60 - 80%	>80 - 100%
I27. Tỷ lệ sử dụng năng lượng thay thế (mặt trời, sức gió) trong các hoạt động của điểm tham quan	0 - 20%	>20 - 40%	>40 - 60%	>60 - 80%	>80 - 100%
I28. Mức độ xử lý nước thải trước khi đưa ra sông, suối	Không xử lý	Loại bỏ một phần vật rắn trôi nổi	Loại bỏ được toàn bộ vật rắn trôi nổi	Loại bỏ hầu hết các chất hữu cơ	Loại bỏ toàn bộ thành phần chất thải

I29. Mức độ xử lý rác thải phát sinh tại điểm tham quan	Không được thu gom	Thu gom một phần và đưa đi xử lý	Thu gom toàn bộ và đưa đi xử lý	Phân loại, thu gom toàn bộ và đưa đi xử lý	Phân loại và xử lý tại chỗ
I30. Mức độ hiệu quả của việc quản lý tình trạng quá tải về số lượng khách du lịch tại điểm tham quan	Xảy ra quanh năm	Xảy ra trong mùa cao điểm	Xảy ra trong một số tháng cao điểm	Xảy ra vào cuối tuần trong tháng cao điểm	Xảy ra trong các dịp lễ

Quy đổi giá trị phân bậc thành các mức độ bền vững thể hiện theo Bảng 7.

Bảng 7. Quy đổi giá trị phân bậc và mức độ bền vững

Bậc đánh giá	Giá trị phân bậc	Mức độ bền vững
1	1,0 - <1,5	Không bền vững
2	1,5 - <2,5	Ít bền vững
3	2,5 - <3,5	Bền vững trung bình
4	3,5 - <4,5	Khá bền vững
5	4,5 - 5,0	Bền vững

4. KẾT LUẬN

Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá là một khâu quan trọng trong quy trình phân tích đa tiêu chí. Dựa trên các yêu cầu của du lịch bền vững kết hợp khảo sát thực tế và tham khảo ý kiến chuyên gia, nghiên cứu đã xác định khung tiêu chí, lựa chọn các chỉ thị sơ bộ và tiến hành sàng lọc để xác định các chỉ thị chính thức. Kết

quả nghiên cứu đã xây dựng được hệ thống tiêu chí đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch phù hợp với đặc thù các điểm tham quan du lịch tại tỉnh Quảng Bình gồm 3 khía cạnh, 9 tiêu chí, 30 chỉ thị. Các chỉ thị được phân cấp thành 5 bậc theo thang điểm 5. Đây là cơ sở để tiến hành các khâu tiếp theo trong quy trình phân tích đa tiêu chí.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] ADB (2004), *Monitoring and evaluation guidelines private sector projects funded by ADB*,
- [2] Chan, M.-K., Bockett, G., Blowfield, M., Gallat, S., Gogoe, S., Tweneboah-Kodua, R., Madakadze, R., Madzudzo, E., Auret, D., Mbizo, E., & Elzakker, B. v. (2002), *Theme Paper 3: What are criteria, indicators & verifiers*
- [3] Churchman, C. W., Ackoff, R. L., & Smith, N. M. (1954), "An approximate measure of value", *Journal of the Operations Research Society of America*, 2(2), 172–187.
- [4] Dean, M. (2022), *A Practical Guide to Multi-Criteria Analysis*,
- [5] Trần Tiến Dũng (2007), *Phát triển du lịch bền vững ở Phong Nha – Kẻ Bàng*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Việt Nam.
- [6] GSTC (2013), *Global Sustainable Tourism Council Criteria Version 1 and Suggested Performance Indicators Version 1 for Destinations*, Retrieved from https://www.gstcouncil.org/wp-content/uploads/2013/11/Dest-CRITERIA_and_INDICATORS_6-9-

- 14.pdf
- [7] GSTC (2019), *GSTC Destination Criteria Version 2.0 6 December 2019 with Performance indicators and SDGs*, Retrieved from https://www.gstcouncil.org/wp-content/uploads/2013/11/Dest_CRITERIA_and_INDICATORS_6-9-14.pdf
- [8] Đặng Văn Hóa (2018), *Nghiên cứu phát triển du lịch theo hướng bền vững tại thành phố Đồng Hới tỉnh Quảng Bình*, Luận văn thạc sĩ Quản lý kinh tế, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế, Thừa Thiên Huế, Việt Nam.
- [9] Nguyễn Đình Hòe, & Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam
- [10] Jiwaji University (2021), The Role of Destination & Attraction in Tourism, Retrieved from <http://www.jiwaji.edu/pdf/ecourse/tourism/BTM6th%201st%20unit.pdf>
- [11] Kassar, M., Kervella, B., & Pujolle, G. (2008), “An overview of vertical handover decision strategies in heterogeneous wireless networks”, *Comput. Commun.*, 31, 2607–2620.
- [12] Khoa Kế hoạch & Phát triển (2017), *Đánh giá phát triển du lịch bền vững: Trường hợp mô hình du lịch dựa vào cộng đồng tại Bản Lác, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình*, Đề tài nghiên cứu khoa học Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Hà Nội, Việt Nam.
- [13] Khosravi, F., Fischer, T. B., & Jha-Thakur, U. (2019), “Multi-criteria Analysis for Rapid Strategic Environmental Assessment in Tourism Planning”, *Journal of Environmental Assessment Policy and Management*, 21(4), 1-20.
- [14] Ngô Thắng Lợi, & Vũ Cương (2008), “Phân biệt mục tiêu, chỉ tiêu, chỉ số trong lập kế hoạch phát triển”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 14.
- [15] Phạm Trung Lương (2002), *Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*, Đề tài cấp Viện Nghiên cứu phát triển Du lịch. Tổng cục Du lịch, Hà Nội, Việt Nam.
- [16] Chế Đình Lý (2018), *Nguyên lý quản lý tài nguyên và môi trường*, TP. Hồ Chí Minh
- [17] Chế Đình Lý (2019), *Phân tích hệ thống môi trường*, TP. Hồ Chí Minh
- [18] Navarro, D. (2015), “Tourist resources and tourist attractions: Conceptualization, classification and assessment”, *Cuadernos de Turismo*, 35(2015), 481 - 484.
- [19] Phan Thị Kim Oanh, & Vũ Đăng Tiếp (2021), “Phương pháp luận xây dựng bộ chỉ số đánh giá mức độ tác động của các dự án đầu tư phát triển đến hệ sinh thái rừng”, *Tạp chí Môi trường*, 12.
- [20] Rio, D., & Nunes, L. M. (2012), “Monitoring and evaluation tool for tourism destinations”, *Tourism Management Perspectives*, 64-66.
- [21] Nguyễn Thanh Tường (2018), *Phát triển du lịch bền vững huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi*, Luận án tiến sĩ Môi trường trong phát triển bền vững, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam.
- [22] La Nữ Ánh Vân (2012), *Phát triển du lịch tỉnh Bình Thuận trên quan điểm phát triển bền vững*, Luận án tiến sĩ Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- [23] Mai Anh Vũ (2021), *Phát triển bền vững du lịch tại Thanh Hóa*, Luận án Tiến sĩ Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

Liên hệ:

ThS. Nguyễn Hữu Duy Viễn

Trường THCS Quang Trung

Địa chỉ: 55 Trần Thị Lý, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Email: viennhd@quangbinhuni.edu.vn

Ngày nhận bài: 9/10/2023

Ngày gửi phản biện: 10/10/2023

Ngày duyệt đăng: 19/5/2025